TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 3 – 2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Hà

2. Ông Lý Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị B**, sinh năm: 1966 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 48/3A, phường X, quận X, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư ***Lê Thị Hoàng N*** – Công ty Luật TNHH MTV L&C thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*.

Địa chỉ: Số 101 đường số 5, khu tái định cư 2, phường D, quận G, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1966 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 48/3A, phường X, quận X, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày: Bà với ông Trần Minh T quen biết và kết hôn qua mai mối của gia đình hai bên; có đăng ký kết hôn số 32 ngày 26 tháng 8 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Trần Lê Lâm H, sinh ngày: 01/12/2000. Tuy nhiên, ông Trần Minh T không lo chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu bia, chửi mắng và đánh bà dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, sống không còn tình cảm, không còn sự

cảm thông, chia sẽ, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra nhiều năm nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm H, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T;

Về con chung: Đã trưởng thành, đang học đại học và do bà chu cấp nên bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, lo cho con ăn học, không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị B vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T; về con chung: đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Luật sư Lê Thị Hoàng N trình bày: Nguyên đơn bà Lê Thị B với bị đơn ông Trần Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, ông Trần Minh T không lo chí thú làm ăn mà còn đánh đập nguyên đơn nhưng do con còn nhỏ nên nguyên đơn đã có một thời gian dài chịu đựng. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng kéo dài và hiện nay con đã lớn nhưng giữa nguyên đơn bà Lê Thị B với bị đơn ông Trần Minh T không có khả năng hòa giải đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị B đối với ông Trần Minh T. Về con chung: Bà Lê Thị B với ông Trần Minh T có với nhau 01 người con chung, đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra để giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng quan hệ pháp luật và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có khả năng hòa giải thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Nguyên đơn với bị đơn có với nhau 01 người con chung, đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị B với bị đơn ông Trần Minh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn bà Lê Thị B có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị B với bị đơn ông Trần Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, theo trình bày của nguyên đơn nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn không lo chí thú làm ăn, thường xuyên chửi mắng và đánh đập nguyên đơn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nên không có khả năng hòa giải thành; tiến hành xác minh tại địa phương cũng không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn; tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn và nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn cho thấy mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn với bị đơn không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, cho nguyên đơn bà Lê Thị B được ly hôn với bị đơn ông Trần Minh T như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn và Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Lê Thị B với bị đơn ông Trần Minh T có với nhau 01 người con chung sinh năm 2000, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị B. Cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Có 01 người con chung, đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002796 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quí

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.